

Số: 0219.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1295.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Trần Văn Tính
Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh Phạm Văn Khanh - Hộ: Nguyễn Đình Huân. Địa chỉ: Ấp 2, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 28/10/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 121-CB
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 28/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 28/10/2025 - 04/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,5°C và 35,7°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,0°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,98	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,08	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	395	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,010	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,16	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	33,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	11,3	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,002 mgN/L	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	22,8	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,32	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	118,9	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	82	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Coliforms không đạt theo QCĐP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**


Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0219.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1296.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Trần Văn Tính
Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh Phạm Văn Khanh - Hộ: Thái Văn Niên. Địa chỉ: Ấp 2, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 28/10/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 122-CB
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 28/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 28/10/2025 - 04/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,5°C và 35,7°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,0°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,52	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,71	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,14	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	990	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,010	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,30	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	144	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	298	≤ 250

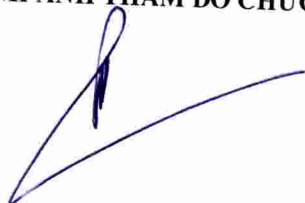
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,002 mgN/L	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	42,9	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,10	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,38	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	193,6	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu độ mặn không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0219.25/KSBT-XN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1297.25

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Trần Văn Tính
Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh Phạm Văn Khanh - Hộ: Trần Văn Hải. Địa chỉ: Ấp 2, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 28/10/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 123-CB
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 28/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 28/10/2025 - 04/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,5°C và 35,7°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,0°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,51	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,75	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	980	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,010	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,27	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	141	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	280	≤ 250

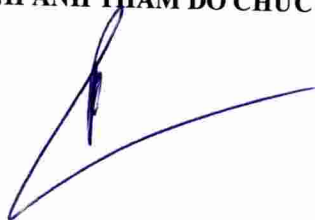
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	< LOQ = 0,007 mgN/L	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	42,9	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,10	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,40	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	193,8	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu độ mặn không đạt theo QCĐP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Hoàng Thị Quỳnh Diệu